

CHỦ ĐỀ 4

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ 1986 ĐẾN NAY

I. NỘI DUNG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

1. Khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986-1995)

- Đường lối đổi mới đất nước toàn diện và đồng bộ được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986). Tiếp tục được bổ sung tại Đại hội lần thứ VII của Đảng (1991).

- *“Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”.*

*** Trọng tâm là đổi mới kinh tế**

- Xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn gồm: Lương thực – Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu.

- Từng bước đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

*** Đổi mới toàn diện và đồng bộ:**

- Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, văn hoá – xã hội, chú trọng nhân tố con người.

- Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)

- Kinh tế:

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

- Chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng:

+ Đổi mới hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng và an ninh.

+ Phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Đối ngoại: Chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực”, nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

- Kinh tế:

+ Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

+ Đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng:

+ Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

+ Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.

- Về đối ngoại: Chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “*chủ động, tích cực* hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”.

II. THÀNH TỰU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thành tựu của công cuộc đổi mới (từ 1986 đến nay)

* *Kinh tế:*

- Chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.
- Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng.

* *Chính trị, an ninh – quốc phòng:*

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh.
- Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc;
- Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

* *Văn hoá – xã hội:*

- Công cuộc xoá đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công, đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển.

- Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.

* *Hội nhập quốc tế:*

- Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu.

- Vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên thế giới.

2. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê- nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.
- Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phần câu hỏi nhiều lựa chọn

Câu 1. Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đại hội V (1982).

B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991).

D. Đại hội VIII (1996).

Câu 2. Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước trong bối cảnh

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành.

B. Mỹ đã phá thế bao vây, cấm vận với Việt Nam.

C. Đất nước đang trên đà phát triển rất mạnh mẽ.

D. Liên Xô đang khủng hoảng, tiến hành công cuộc cải tổ.

Câu 3. Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986 – 1995, trọng tâm là đổi mới về

A. kinh tế.

B. tư tưởng.

C. chính trị.

D. văn hóa.

Câu 4. Đảng cộng sản Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ tháng 12/1986 trong hoàn cảnh như thế nào?

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã sụp đổ

B. Đất nước đang trên đà phát triển rất mạnh mẽ.

C. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

D. Trật tự thế giới hai cực lanta đã hoàn toàn sụp đổ.

Câu 5. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986), đã xác định nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 là

A. đổi mới toàn diện, đồng bộ nền kinh tế.

B. thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn.

C. hợp tác toàn diện với tất cả các nước.

D. đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.

Câu 6. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) xác định nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế lớn là

A. lâm sản - dầu mỏ, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

B. lương thực - thực phẩm, thủy hải sản, hàng xuất khẩu.

C. nông sản – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng nhập khẩu.

D. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Câu 7. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) chủ trương đổi mới về chính trị là xây dựng Nhà nước

A. pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

B. nền chuyên chính của tư sản.

C. đại đoàn kết toàn thể dân tộc.

D. phân chia quyền lực rõ ràng.

Câu 8. Nhiệm vụ trung tâm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996-2006 là

A. phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

B. đổi mới toàn diện và đồng bộ trên các lĩnh vực chính trị - xã hội.

C. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

D. Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 9. Đảng ta nhận định: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải

A. làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 10. Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12/1986 là

A. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước.

C. phát triển đất nước, đảm bảo đời sống nhân dân.

D. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.

Câu 11. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương hình thành cơ chế kinh tế

A. thị trường.

B. tập trung.

C. bao cấp.

D. kế hoạch hóa.

Câu 12. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1995) đã xác định nội dung nào sau đây là quốc sách hàng đầu?

A. Khoa học, giáo dục.

B. Giáo dục và đào tạo.

C. An ninh, quốc phòng.

D. Kinh tế và chính trị.

Câu 13. Trong nội dung đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986 - 1995, đã xác định nội dung nào sau đây được coi là quốc sách hàng đầu?

A. Kinh tế - chính trị.

B. Khoa học - công nghệ.

C. Kinh tế - xã hội.

D. An ninh - quốc phòng.

Câu 14. Trong đường lối Đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế

A. thị trường tư bản chủ nghĩa.

B. hàng hóa có sự quản lý của nhà nước.

C. thị trường có sự quản lý của nhà nước.

D. tập trung, quan liêu, bao cấp.

Câu 15. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng

A. kinh tế tập trung.

B. kinh tế thị trường.

C. xã hội chủ nghĩa.

D. phân phối theo lao động.

Câu 16. Chuyển từ “*hội nhập kinh tế quốc tế*” sang “*chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng*”... là nội dung đổi mới về

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. đối ngoại.

D. văn hóa.

Câu 17. Trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

A. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

D. Hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Câu 18. Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986) có nội dung nào sau đây?

A. tập trung đổi mới về văn hóa.

B. Chỉ đổi mới về tổ chức nhà nước.

C. Trọng tâm là đổi mới về chính trị.

D. Đổi mới kinh tế là trọng tâm.

Câu 19. Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986) đảm bảo nội dung nào trọng tâm nào sau đây?

A. Chỉ tập trung đổi mới về chính trị.

B. Kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

C. Chỉ tập trung đổi mới về văn hóa.

D. Chỉ đổi mới về tổ chức và tư tưởng.

Câu 20. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước (từ năm 1986), Việt Nam có chủ trương nào sau đây?

A. Phát triển kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

B. Tập trung cải tạo công thương nghiệp.

C. Xóa bỏ sự tồn tại của thị trường tự do.

D. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 21. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), về chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương

A. duy trì cơ chế quản lý kinh tế bao cấp.

B. duy trì cơ chế quản lý kinh tế tập trung.

C. xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

D. xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đa dạng.

Câu 22. Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân là nội dung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (12 - 1986) về

A. chính trị.

B. văn hóa.

C. xã hội.

D. đối ngoại.

Câu 23. Trong đường lối đổi mới đất nước (12 - 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại

A. hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

B. hòa bình, hữu nghị, trung lập.

C. bình đẳng, coi trọng hợp tác kinh tế.

D. mở rộng hợp tác về văn hóa.

Câu 24. Một trong những thành tựu kinh tế - xã hội Việt Nam đạt được sau 10 năm đổi mới (1986-1995) là

A. hoàn thành công nghiệp hóa đất nước.

B. hoàn thành hiện đại hóa đất nước.

C. vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội.

D. xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới.

Câu 25. Việt Nam đạt được một trong những thành tựu nào sau đây về mặt xã hội trong công cuộc đổi mới đất nước (từ 12/1986)?

A. Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

B. Đời sống người dân được cải thiện và nâng cao.

C. Thu nhập bình quân đầu người đứng hàng đầu khu vực.

D. Hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 26. Trong công cuộc đổi mới đất nước, giai đoạn từ năm 2006 đến nay, Đảng đã xác định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển

A. an ninh kinh tế.

B. kinh tế tri thức.

C. dân chủ nhân dân.

D. dân sinh, dân chủ.

Câu 27. Nội dung nào sau đây là đường lối đổi mới về chính trị giai đoạn 2006 đến nay?

A. Tiếp tục đẩy mạnh hội nhập vào nền kinh tế.

B. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện.

C. Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển.

D. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Câu 28. Một trong những chủ trương được Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện trong công cuộc đổi mới giai đoạn từ 2006 đến nay là

A. hội nhập quốc tế sâu rộng.

B. xóa bỏ cơ chế kinh tế tập trung.

C. hình thành cơ chế kinh tế thị trường.

D. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Câu 29. Một trong những nguyên nhân khách quan thúc đẩy Đảng và Nhà nước Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12-1986)?

A. Sự ủng hộ từ phong trào cách mạng thế giới.

B. Các nước Đông Âu đều đã tiến hành đổi mới.

C. Cuộc khủng hoảng trầm trọng của Liên Xô.

D. Hệ thống CNXH ngày càng phát triển lớn mạnh.

Câu 30. Đặc trưng nền kinh tế Việt Nam trước khi thực hiện đường lối đổi mới (1986) là nền kinh tế

A. tự túc.

B. bao cấp.

C. tự chủ.

D. thị trường.

Câu 31. Trong đường lối Đổi mới giai đoạn (1986-1995) Đảng Cộng sản Việt Nam xác định trọng tâm là đổi mới kinh tế xuất phát từ

A. sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế trong khu vực.

B. kinh tế Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

C. học hỏi kinh nghiệm từ sự vươn lên của Trung Quốc.

D. xu thế của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

Câu 32. Một trong những điểm giống nhau của công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (1978) với công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (1986) là

A. chú trọng đổi mới về chính trị.

B. lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm.

C. cải cách toàn diện trên lĩnh vực.

D. kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Câu 33. Bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12 - 1986) đến nay là gì?

A. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.

B. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong nhóm ASEAN.

C. Tập trung khắc phục tình trạng tham nhũng và lãng phí.

D. Đẩy mạnh các mối quan hệ đối ngoại hòa bình, ổn định.

Câu 34. Một trong những bài học Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra được từ công cuộc Đổi mới đất nước vẫn vẹn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là

- A. phải đảm bảo lợi ích của nhân dân. B. phải liên kết với các cường quốc.
C. phát triển nhanh các ngành kinh tế. D. củng cố khối xã hội chủ nghĩa.

Câu 35. Nhân tố quyết định đến sự thành công của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là

- A. những bài học từ Liên Xô và Trung Quốc. B. chính sách viện trợ từ các nước bên ngoài.
C. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa. D. vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 36. Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước của Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.
B. Trở thành ủy viên thường trực hội đồng bảo an.
C. Thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng.
D. Đưa Việt Nam trở thành nước phát triển.

Câu 37. Nội dung nào dưới đây **không đúng** về bài học kinh nghiệm rút ra trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân.
B. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
C. Cơ hội từ bên ngoài là yếu tố quyết định cho sự phát triển.
D. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi và cách làm phù hợp.

Câu 38*. Một trong những thành tựu về chính trị trong công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đến nay là gì?

- A. Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ.
B. Thị trường xuất nhập khẩu mở rộng, nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng.
C. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.
D. Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Câu 39*. Một trong những thành tựu về văn hóa - xã hội trong công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đến nay là gì?

- A. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
B. Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và đạt được nhiều thành tựu.
C. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.
D. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

Câu 40*. Năm 2000, Việt Nam đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào trong lĩnh vực văn hóa?

- A. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
B. Trở thành nền kinh tế thứ tư trong tổ chức ASEAN.
C. Trở thành quốc gia tiên tiến về khoa học-công nghệ.
D. Hoàn thành xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.

Câu 41. Mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ đại hội Đảng VI (2 - 1986) là

- A. đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng. B. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.
C. hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội. D. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh.

Câu 42. Nền kinh tế Việt Nam trước và sau thời điểm đổi mới từ năm 1986 có điểm khác biệt cơ bản là

- A. chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
B. chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
C. xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.

D. xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 43. Thành công lớn của ngoại giao Việt Nam trong năm 1995 là

A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

B. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.

C. Việt Nam gia nhập WTO.

D. Việt Nam gia nhập diễn đàn kinh tế Á - Âu.

Câu 44*. Yếu tố nào sau đây quyết định thành công của công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

A. Đổi mới kinh tế, chính trị.

B. Đổi mới văn hóa xã hội.

C. Đổi mới tư duy kinh tế.

D. Đổi mới về ngoại giao.

Câu 45: Nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) là

A. đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. biết nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước tiến lên.

C. coi giáo dục và đào tạo, khoa học kỹ thuật là quốc sách hàng đầu.

D. nắm bắt xu thế phát triển của thế giới và phát huy nội lực trong nước.

Câu 46. Thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Dựa hoàn toàn vào nội lực để phát triển đất nước.

B. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

C. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của giai cấp công nhân.

D. Đổi mới phải toàn diện nhưng trọng tâm là đổi mới chính trị.

Câu 47*. Thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Dựa hoàn toàn vào nội lực để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

B. Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ nhưng trọng tâm là đổi mới chính trị.

C. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

D. Đổi mới phải vì lợi ích nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

Câu 48*. Thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

B. Dựa hoàn toàn vào nội lực để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

C. Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ nhưng trọng tâm là đổi mới chính trị.

D. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

Câu 49*. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam được khởi đầu trong bối cảnh quốc tế như thế nào?

A. Sự gia tăng mâu thuẫn giữa các cường quốc lớn.

B. Sự phát triển mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa

C. Diễn ra xu thế hòa hoãn Đông Tây, kết thúc “Chiến tranh lạnh”.

D. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa.

CHỦ ĐỀ 5

LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

I. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX

* Bối cảnh lịch sử

- Ở châu Á, sau cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản (cuối thế kỉ XIX) và Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) khuynh hướng dân chủ tư sản có ảnh hưởng mạnh mẽ vào Việt Nam.

- Trong nước, phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX thất bại đặt ra yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới.

- Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm biến đổi kinh tế, xã hội, dẫn đến sự ra đời của các giai cấp, tầng lớp mới.

- Một số nhà yêu nước Việt Nam đã nhận ra sự bế tắc của con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến. Từ đó, họ tìm đến những trào lưu tư tưởng mới, tiến hành các hoạt động đối ngoại nhằm mở ra hướng mới cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

* Hoạt động đối ngoại:

- Phan Bội Châu và Hội Duy tân:

+ Từ năm 1905 đến năm 1908: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.

+ Từ năm 1909 đến năm 1925: Hoạt động chủ yếu ở Trung Quốc, thành lập và triển khai các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội.

+ Cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài.

→ Mục đích: Tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giành độc lập của Việt Nam.

- Phan Châu Trinh:

+ Từ năm 1911 đến năm 1925: Hoạt động tại Pháp.

+ Phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam, tranh thủ sự giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam.

→ Mục đích: vận động cải cách cho Việt Nam.

2. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương (1920 đến 1945)

- Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc:

+ Từ 1918 đến 1920: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp; gửi bản Yêu sách của nhà dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai; gia nhập Quốc tế Cộng sản; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

+ Từ 1921 đến 1930: Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô, Trung Quốc; tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

→ Mục đích: Xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa. Xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới....

* Hoạt động ngoại giao của Nguyễn Ái Quốc là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam.

- Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 - 1945):

* Bối cảnh lịch sử:

+ Những năm 30 của thế kỉ XX chủ nghĩa phát xít xuất hiện và chạy đua vũ trang, nguy cơ cuộc Chiến tranh thế giới đến gần.

+ Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939) ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị, nền hòa bình, an ninh của thế giới.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

+ Trong những năm 1939 - 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát xít Nhật xâm lược

Đông Dương.

*** Hoạt động đối ngoại:**

- Giai đoạn 1930-1940:

- + Duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản.
- + Thể hiện sự ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
- + Tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam.

- Giai đoạn 1941-1945:

+ Thông qua Mặt trận Việt Minh, thể hiện chủ trương ủng hộ Liên Xô cùng lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít.

- + Tiến hành vận động ngoại giao để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của lực lượng Đồng minh.

→ Mục đích: Phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

II. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

*** Bối cảnh lịch sử**

- Thuận lợi:

- + CNXH trở thành hệ thống thế giới. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao.
- + Nhân dân lao động được làm chủ đất nước.

- Khó khăn:

- + Hình thành 2 hệ thống xã hội đối lập dẫn tới sự đối đầu giữa hai phe CNXH và CNTB.
- + Tình hình khó khăn của nhà nước VNDCCH “Tình thế ngàn cân treo sợi tóc”.

*** Các hoạt động đối ngoại chủ yếu**

- Từ năm 1945: Tìm kiếm sự công nhận của quốc tế đối với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Trước ngày 6-3-1946: Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo với quân Trung Hoa Dân Quốc, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược.

- Từ ngày 6-3-1946: Ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946).

- 1947-1949: Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực.

- Năm 1950: Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và một số nước XHCN.

- Năm 1951: Tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào

- Năm 1954: Cử phái đoàn ngoại giao tham dự hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.

→ Mục đích: Bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

*** Bối cảnh lịch sử**

- Hệ thống CNXH phát triển mạnh mẽ. Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ vì hoà bình...phát triển.

- Cuộc Chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa Mỹ và Liên Xô căng thẳng.

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 được kí kết, đất nước ta bị chia cắt thành 2 miền, với hai nhiệm vụ cách mạng khác nhau.

*** Các hoạt động đối ngoại**

- Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ: nước VNDCCH gửi công hàm cho chính quyền

Sài Gòn và các bên liên quan, yêu cầu thực hiện nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ.

- củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.
- Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương.
- Thực hiện sách lược “vừa đánh, vừa đàm”, góp phần buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pa-ri (1973).

→ Mục đích: phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

* Bối cảnh lịch sử

- Xu thế hòa hoãn Đông – Tây.
- Sự khủng hoảng của CNXH ở Liên Xô, Đông Âu.
- Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước.
- Đất nước bị bao vây và cấm vận của Mỹ.

* Hoạt động đối ngoại:

- Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
 - + Năm 1978, kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên Xô.
 - + Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)...
- Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại với ASEAN
 - + Năm 1977, kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Lào.
 - + Năm 1979, giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
- Tham gia và đóng góp tích cực vào Phong trào *Không liên kết*.
- Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế: trở thành thành viên Liên hợp quốc (1977).
 - Bước đầu đàm phán bình thường hoá quan hệ với Mỹ

→ Mục đích: Tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

* Bối cảnh lịch sử

- Thế giới và khu vực có những chuyển biến lớn, Chiến tranh lạnh chấm dứt, Trật tự hai cực lanta sụp đổ.
- Cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ.
- Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã...
- Việt Nam đổi mới, hội nhập quốc tế.

* Hoạt động đối ngoại

- Phá thế bao vây, cô lập, cấm vận:
 - + Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
 - + Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
- Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia.
- Tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại ở Đông Nam Á:
 - + Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN,
 - + Việt Nam đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN các năm 1998, 2010, 2020.
- Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản....

- Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế: gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO - 2007), cử quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc (2014).

- Triển khai hoạt động đối ngoại bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải và biển đảo của Tổ quốc.

- Mở rộng các hoạt động đối ngoại như hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm hoạ thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...

→ Mục đích: đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

BÀI TẬP

Câu 1. Trong giai đoạn 1905-1909, hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở

- A. Liên Xô. B. Xiêm (Thái Lan). C. Trung Quốc. **D. Nhật Bản.**

Câu 2. Năm 1905, Phan Bội Châu khởi xướng phong trào đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản để học tập, được gọi là phong trào

- A. Đông du.** B. Cần vương. C. Cải cách. D. Duy tân.

Câu 3. Các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Thiết lập liên minh quân sự ở châu Á. B. Hợp tác kinh tế với các nước láng giềng.
C. Thành lập liên minh để chống phát xít. **D. Tìm kiếm sự giúp đỡ để chống Pháp.**

Câu 4. Từ năm 1911 đến năm 1925, các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh diễn ra chủ yếu ở quốc gia nào sau đây?

- A. Pháp.** B. Nhật Bản. C. Trung Quốc. D. Anh.

Câu 5. Từ năm 1911 đến năm 1925, các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh hướng đến mục tiêu nào sau đây?

- A. Tổ chức các hoạt động khởi nghĩa vũ trang.
B. Thành lập liên minh các dân tộc thuộc địa.
C. Thúc tỉnh dư luận Pháp về vấn đề Đông Dương.
D. Thành lập liên minh quân sự để chống phát xít.

Câu 6. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thông qua Mặt trận Việt Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương ủng hộ lực lượng nào sau đây?

- A. Khối Hiệp ước. **B. Phe Đồng minh.** C. Nhật Bản. D. phát xít Đức .

Câu 7. Trong quá trình hoạt động cách mạng những năm 1920 – 1925, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. Tâm tâm xã. B. Mặt trận Việt Minh.
C. Hội Liên hiệp thuộc địa. D. Duy Tân hội.

Câu 8. Trong giai đoạn 1925 – 1930, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập .

- A. Mặt trận Việt Minh. B. Hội Đông Á đồng minh.
C. Duy Tân hội. **D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.**

Câu 9. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940 là

- A. duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản ở các nước.**
B. duy trì liên lạc với Quốc tế Vô sản, các đảng xã hội và phong trào vô sản ở các nước.
C. thể hiện sự ủng hộ Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước thuộc phe Đồng minh.
D. thể hiện sự ủng hộ các nước thuộc phe Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 10. Trong những năm 1944-1945, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ động liên lạc với lực lượng Đồng minh thông qua quốc gia nào để cùng đấu tranh chống Nhật Bản?

A. Mỹ.

B. Ấn Độ.

C. Phi-lip-pin.

D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 11. Trong giai đoạn 1941 – 1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

A. Ban Chỉ huy hải ngoại.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Quốc tế Cộng sản.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 12. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khi mới ra đời đã thực hiện các hoạt động đối ngoại nhằm

A. thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, tránh đối đầu cùng lúc nhiều kẻ thù.

C. từng bước đánh bại quân Trung Hoa Dân Quốc và các thế lực thù địch.

D. đàm phán thương lượng bằng mọi giá để bảo vệ độc lập dân tộc.

Câu 13. Những năm đầu thế kỉ XX, các hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến bị bế tắc.

B. Các nước xã hội chủ nghĩa tăng cường giúp đỡ cách mạng Việt Nam.

C. Phong trào đấu tranh chống phát xít trên thế giới phát triển mạnh mẽ.

D. Phong trào dân tộc theo khuynh hướng vô sản ngày càng phát triển.

Câu 14. Những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945) có một trong những mục đích nào sau đây?

A. Tranh thủ sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa.

B. Nhận sự giúp đỡ từ các nước tư bản chủ nghĩa.

C. Tiếp nhận sự viện trợ kinh tế của Trung Quốc.

D. Tranh thủ sự giúp đỡ của cách mạng thế giới.

Câu 15. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công (1945), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước khó khăn nào sau đây?

A. Các nước tư bản bao vây, cô lập.

B. Chưa được quốc gia nào công nhận độc lập.

C. Chỉ được Liên Xô và công nhận độc lập.

D. Chỉ được Lào và Cam-pu-chia công nhận độc lập.

Câu 16. Một trong những hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công (1945) là

A. gửi yêu cầu ngừng bắn đến nước Pháp.

B. gửi công hàm đến Liên hợp quốc.

C. yêu cầu nước Pháp trao trả độc lập.

D. thành lập Liên minh Việt – Miên – Lào.

Câu 17. Một trong những nội dung các công hàm của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi tới một số quốc gia ngay sau Cách mạng tháng Tám 1945 là

A. yêu cầu phía Trung Hoa Dân quốc rút khỏi Việt Nam.

B. khẳng định tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam.

C. yêu cầu thực dân Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam.

D. khẳng định tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương.

Câu 18. Trước ngày 6-3-1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện chính sách đối ngoại nào sau đây?

A. Hoà Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Hoà Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

C. Hoà hoãn với cả Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

D. Hoà với Pháp để đánh đuổi phát xít Nhật.

Câu 19. Trong năm 1950, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đạt được thành tựu ngoại giao nào sau đây?

A. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với Liên Xô và Trung Quốc.

- B. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân quốc.
- C. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với tất cả các nước dân chủ.
- D. Buộc Pháp phải công nhận Việt Nam là quốc gia độc lập và tự do.

Câu 20. Năm 1950, quốc gia nào sau đây công nhận và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà?

- A. Liên Xô.** B. Cuba. C. Cộng hoà Dân chủ Đức. D. Triều Tiên.

Câu 21. Trong những năm 1947 – 1949, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có hoạt động nào sau đây để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế?

- A. Thành lập liên minh với Lào và Cam-pu-chia. **B. Mở cơ quan đại diện ở một số nước châu Á.**
- C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Câu 22. Để tăng cường tinh thần đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương, trong thời kì 1945 – 1954, tổ chức nào sau đây được thành lập?

- A. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương. B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- C. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.** D. Liên minh dân tộc dân chủ Đông Dương.

Câu 23. Ngay sau năm 1954, Việt Nam đã tiến hành hoạt động ngoại giao nào sau đây để thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước?

- A. Tích cực vận động trở thành thành viên của Liên Hợp quốc.
- B. Nâng đấu tranh ngoại giao thành một mặt trận chống Mỹ.
- C. Thành lập Liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- D. Gửi công hàm đến chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan.**

Câu 24. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), Việt Nam chủ yếu củng cố, phát triển quan hệ với

- A. Tất cả các nước trên thế giới.
- B. Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Tây Âu.
- C. Các nước Đông Nam Á, đặc biệt là ASEAN.
- D. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.**

Câu 25. Trong thời kì 1954 - 1975, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung phục vụ sự nghiệp

- A. Bảo vệ miền Bắc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. **B. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.**
- C. Bảo vệ và thống nhất chủ nghĩa xã hội. D. Thống nhất đất nước bằng con đường hoà bình.

Câu 26. Một trong những chính sách đối ngoại của Đảng và Chính phủ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) là

- A. bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và Ấn Độ.
- B. hợp tác toàn diện với Nhật Bản, Hàn Quốc và Pháp.
- C. củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.**
- D. củng cố, phát triển quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 27. Chủ trương đối ngoại nào sau đây được Việt Nam vận dụng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)?

- A. Ngoại giao đi trước, quân sự hỗ trợ.
- B. Vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.**
- C. Phối hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.
- D. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh vũ trang.

Câu 28. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cục diện “vừa đánh, vừa đàm” được mở ra từ sau sự kiện nào dưới đây?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).** B. Phong trào “Đồng khởi” (1960).

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (1972). D. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (1954).

Câu 29. Hiệp định Pa-ri được kí ngày 27-1-1973, thể hiện thắng lợi của Việt Nam trong hoạt động ngoại giao là buộc Mỹ phải công nhận

A. các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. Việt Nam là quốc gia độc lập thuộc Liên hiệp Pháp.

C. quyền tham gia các tổ chức quốc tế của Việt Nam.

D. các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

Câu 30. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), ngoại giao Việt Nam đã đạt được thành tựu nào sau đây?

A. Thành lập được liên minh chiến đấu với các nước Đông Nam Á.

B. Được Trung Quốc, Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

C. Trở thành thành viên chính thức của tổ chức Liên hợp quốc.

D. Được sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới đối với cuộc kháng chiến.

Câu 31. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) với Pháp nhằm mục tiêu nào sau đây?

A. Nâng cao vị thế trong Liên bang Đông Dương.

B. Hợp tác với Pháp để chống Trung Hoa Dân quốc.

C. Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị kháng chiến.

D. Tăng cường hợp tác toàn diện với Pháp về kinh tế.

Câu 32. Các hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp những năm 1945 – 1946 **không** hướng đến mục tiêu nào sau đây?

A. Tránh đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù.

B. Bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng.

C. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế với cuộc kháng chiến.

D. Chống sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Đông Dương.

Câu 33. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

A. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

B. Mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm” trong cuộc kháng chiến.

C. Mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

D. Khẳng định sự thất bại hoàn toàn của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 34. Bối cảnh kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954), Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (1973) có điểm tương đồng nào sau đây?

A. Có sự hoà hoãn giữa các nước lớn.

B. Xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

C. Liên Xô và Trung Quốc đang có bất đồng.

D. Mặt trận ngoại giao đóng vai trò quyết định.

Câu 35. Nhiệm vụ quan trọng nhất của ngoại giao Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) là

A. tăng cường thu hút viện trợ và đầu tư nước ngoài.

B. phục vụ sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước.

C. đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.

D. nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 36. Nội dung nào sau đây **không đúng** về điểm hạn chế của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

A. Thời gian để quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam quá dài.

- B. Vấn đề thống nhất của Việt Nam phụ thuộc vào bên ngoài.
C. Đất nước đang tạm thời bị chia cắt thành hai miền Bắc – Nam.

D. Quyền dân tộc cơ bản chỉ được công nhận ở miền Bắc Việt Nam.

Câu 37. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và đế quốc Mỹ (1954 – 1975) ở Việt Nam?

- A. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự thắng lợi.
B. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu của mỗi cuộc kháng chiến.

C. Đấu tranh ngoại giao có mối quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị và quân sự.

- D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chi phối hoàn toàn của hoạt động đấu tranh chính trị.

Câu 38. Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975- 1985 là

- A. tham gia các tổ chức thương mại khu vực và quốc tế.

B. đấu tranh chống chính sách bao vây, cấm vận từ bên ngoài.

- C. tham gia tích cực các diễn đàn của tổ chức ASEAN và khu vực.
D. đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường và hỗ trợ nhân đạo.

Câu 39. Trong giai đoạn 1975 – 1985, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác toàn diện với

A. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- B. Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu.
C. Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.
D. Trung Quốc, Cam-pu-chia và các nước ASEAN.

Câu 40. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực bên ngoài.
B. Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác.
C. Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế.

D. Việt Nam trở thành thành viên quan trọng nhất trong tổ chức ASEAN.

Câu 41. Năm 1995, sự kiện nào sau đây đánh dấu thành tựu đạt được của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế?

- A. Việt Nam giữ vai trò Chủ tịch ASEAN. **B. Việt Nam gia nhập ASEAN.**
C. Việt Nam tham gia tổ chức WTO. D. Việt Nam tham gia Liên Hợp quốc.

Câu 42. Nội dung nào sau đây gắn liền với hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm gần đây?

- B. Tham gia vào liên minh quân sự với các quốc gia khác.
A. Tăng cường hợp tác toàn diện với các nước Mỹ la tinh.
C. Giao lưu văn hoá, hợp tác chính trị, quân sự với các nước tư bản.

D. Hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường.

Câu 43. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm gần đây đóng vai trò nào sau đây?

- A. Giúp Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - văn hoá.
B. Giúp Việt Nam đạt được những thành tựu đột phá về an ninh.
C. Đưa Việt Nam chính thức trở thành nước công nghiệp phát triển.

D. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Câu 44. Giai đoạn 1975 – 1985, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại nào sau đây?

- A. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Mỹ.
B. Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa.

- C. Hợp tác toàn diện với các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Câu 45. Một trong những chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 – 1985 là

- A. cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á.**
- B. tăng cường quan hệ toàn diện với Trung Quốc.
- C. đàm phán kết thúc chiến tranh với đế quốc Mỹ.
- D. nâng quan hệ với Nga lên tầm đối tác chiến lược.

Câu 46. Một trong những hoạt động có ý nghĩa quốc tế của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985 là

- A. tăng cường quan hệ toàn diện với Trung Quốc.
- B. tăng cường quan hệ toàn diện với tất cả các nước tư bản.

C. giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ Kơ-me Đơ.

- D. giúp Lào hoàn thành mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 47. Trong khoảng 10 năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam coi trọng phát triển quan hệ ngoại giao toàn diện với quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc.
- B. Liên Xô.**
- C. Mỹ.
- D. Pháp.

Câu 48. Trong quá trình tiến hành Đổi mới đất nước (từ năm 1986), hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Phá thế bị bao vây, cấm vận.**
- B. Trở thành thành viên của Liên hợp quốc.
- C. Tham gia tất cả tổ chức quốc tế.
- D. Tham gia phong trào Không liên kết.

Câu 49. Năm 1991, Việt Nam bình thường hoá quan hệ với quốc gia nào sau đây.

- A. Mỹ.
- B. Trung Quốc.**
- C. Nhật Bản.
- D. Thái Lan.

Câu 50. Từ năm 1986, Việt Nam mở rộng hoạt động ngoại giao nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Đấu tranh thống nhất đất nước.
- B. Trở thành thành viên của Liên hợp quốc.
- C. Buộc Mỹ công nhận quyền dân tộc cơ bản.
- D. Nâng cao vị thế của quốc gia dân tộc.**

Câu 51. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** bối cảnh quốc tế khi Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại trong thời kì Đổi mới?

- A. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ.
- B. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện.
- C. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.**
- D. Quan hệ Việt Nam – ASEAN căng thẳng.

Câu 52. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** một trong những quan điểm về chính sách đối ngoại của Việt Nam khi đất nước tiến hành Đổi mới (từ năm 1986)?

- A. Tập trung phát triển quan hệ toàn diện với Liên Xô.
- B. Trở thành thành viên của tất cả các tổ chức quốc tế.
- C. Muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế.**
- D. Tập trung phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 53. Sau năm 1986, Việt Nam có đóng góp nào sau đây đối với cộng đồng quốc tế?

- A. Gửi quân đội trực tiếp tham chiến chống khủng bố.
- B. Tham gia hỗ trợ nhân đạo, giúp đỡ các quốc gia khó khăn.**
- C. Đảm nhiệm vị trí thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- D. Viện trợ vũ khí cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 54. Yếu tố quốc tế nào sau đây phản ánh **không đúng** tác động dẫn đến việc điều chỉnh chính sách đối ngoại của Việt Nam khi tiến hành Đổi mới (từ năm 1986)?

- A. Cách mạng khoa học – công nghệ phát triển nhanh.
- B. Liên Xô và Mỹ đi đến chấm dứt Chiến tranh lạnh.

C. Cục diện vừa cạnh tranh vừa hoà hoãn giữa các nước lớn.

D. Cuộc chạy đua vũ trang căng thẳng giữa hai cực, hai phe.

Câu 55*. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** cơ sở thực tiễn Việt Nam coi trọng quan hệ với Liên Xô như “hòn đá tảng” và “là nguyên tắc” trong hoạt động đối ngoại những năm 1975 – 1985?

A. Tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô trong bối cảnh đang bị bao vây, cô lập.

B. Liên Xô coi Việt Nam là đối tác chiến lược toàn diện duy nhất ở châu Á.

C. Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất tồn tại trong giai đoạn này.

D. Quan hệ đối đầu và chạy đua vũ trang căng thẳng giữa Liên Xô và Mỹ.

Câu 56. Vấn đề nào sau đây được giải quyết đã giúp quan hệ giữa Việt Nam và quốc tế được cải thiện?

A. Hòa bình ở Cam-pu-chia.

B. Việt Nam gia nhập ASEAN.

C. Thống nhất đất nước.

D. Hợp tác toàn diện với Liên xô.

Câu 57. Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu nổi bật trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới?

A. Phá vỡ tình trạng đất nước bị bao vây và cấm vận.

B. Thiết lập quan hệ đối ngoại với các đối tác mới.

C. Bình thường hoá quan hệ với Mỹ và Trung Quốc.

D. Gia nhập và thúc đẩy hợp tác với Liên hợp quốc.

Câu 58. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nguyên tắc nhất quán, xuyên suốt trong đường lối đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ năm 1945 đến nay?

A. Hoạt động đối ngoại phải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

B. Đối ngoại vì độc lập dân tộc, duy trì hoà bình và ổn định trong khu vực và thế giới.

C. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương và đa dạng hoá quan hệ ngoại giao.

D. Ưu tiên xây dựng quan hệ hợp tác với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 59. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ khi Đổi mới đạt được thành tựu mới nào sau đây so với các thời kì trước?

A. Trở thành thành viên của phong trào Không liên kết.

B. Là thành viên chính thức của tổ chức Liên hợp quốc.

C. Chủ động hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới.

D. Thiết lập được quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

CHỦ ĐỀ 6: HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

BÀI 15: KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh.

♦ Hoàn cảnh đất nước

- Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...

- Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của nhân dân bị tước đoạt.

- Cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại, đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

♦ Hoàn cảnh quê hương

- Nghệ An là địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng, người dân chịu khó và cần cù trong lao động. Đây còn là vùng đất của những làn điệu dân ca ví, giặm, là quê hương của nhiều danh nhân.

- Nghệ An cũng là địa phương có truyền thống đấu tranh kiên cường chống ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

- Vào đầu thế kỉ XX, cuộc khai thác thuộc địa của tư bản Pháp đã dẫn đến hình thành khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy. Từ đó, Nghệ An trở thành trung tâm công nghiệp, buôn bán lớn ở khu vực Bắc miền Trung. Những thanh niên, trí thức yêu nước và giai cấp công nhân có điều kiện tiếp thu nhiều tư tưởng mới của thời đại.

♦ **Hoàn cảnh gia đình**

- Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc và thân mẫu là Hoàng Thị Loan. Truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

♦ **Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 - 1911)**

- Hồ Chí Minh sinh ngày 19/5/1890, làng Hoàng Trù - Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).
- Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế học.
- Năm 1910, Nguyễn Tất Thành dạy học ở Trường Dục Thanh - Phan Thiết (Bình Thuận),
- Ngày 5/6/1911, từ Bến Nhà Rồng (Sài Gòn), Nguyễn Tất Thành lấy tên Văn Ba, bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước.

♦ **Tóm tắt hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911-1941**

- 1911 – 1917: Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Phi, tích cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động.

- 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam.

- 7-1920, đọc Sơ thảo lần thứ nhất ***Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*** của V. Lênin.

- 12-1920, bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Từ 1921 đến 6/1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa (1921), ra báo Người cùng khổ,...

- 6/1923, hoạt động ở Liên xô, trong phong trào cộng sản quốc tế,...

- 11/1924 đến 1927, đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên (1925),...

- Đầu năm 1930, chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ở Hương Cảng, Trung Quốc). Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- Tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

♦ **Tóm tắt hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1941 – 1969**

- Tháng 5/1941, chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8.

- Tháng 8 – 1942, sang Trung Quốc bắt liên lạc với lực lượng Đồng minh chống phát xít.

- Tháng 8/1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.
- Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- 1945 -1954, cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- 1954 - 1969, lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.
- Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Thủ đô Hà Nội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phải là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam?

- A. Đoàn kết. B. Dũng cảm. C. Yêu nước. **D. Hiếu chiến.**

Câu 2. Nhiệm vụ cấp bách nhất đặt ra cho dân tộc Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

- A. giành độc lập dân tộc.** B. đòi dân sinh dân chủ.
C. giành ruộng đất cho dân cày. D. đòi quyền tự do bầu cử.

Câu 3. Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình

- A. nhà nho yêu nước.** B. tiểu tư sản trí thức.
C. bần cố nông. D. tư sản dân tộc.

Câu 4. Ngôi trường Nguyễn Tất Thành từng theo học trong những năm 1908-1909 là

- A. Quân sự Hoàng Phố. B. Chu Văn An. C. Quốc Tử giám. **D. Quốc học Huế.**

Câu 5. Năm 1910, Nguyễn Tất Thành đã tham gia dạy học tại trường

- A. Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba. B. Quốc học Huế.
C. Dục Thanh. D. Chu Văn An.

Câu 6. Trong hành trình tìm đường cứu nước, từ năm 1912 đến năm 1930, Nguyễn Tất Thành **không** đặt chân đến quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc. B. Liên Xô. **C. Nhật Bản.** D. Thái Lan.

Câu 7. Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai

- A. Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. **B. Bản yêu sách của nhân dân An Nam.**
C. Tác phẩm Đường Kách mệnh. D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là yếu tố ảnh hưởng đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành năm 1911?

- A. Đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, thống trị.
B. Sự thất bại, bế tắc của các phong trào yêu nước.
C. Ý chí, quyết tâm cứu nước của Nguyễn Tất Thành.
D. Tác động của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 9. Năm 1908, Nguyễn Tất Thành có hoạt động nào sau đây?

- A. Ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. **B. Tham gia phong trào chống thuế ở Huế.**
C. Tham gia Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri. D. Bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.

Câu 10. Năm 1911, hoạt động nào sau đây gắn liền với Nguyễn Tất Thành?

- A. Phát động phong trào Đông du. B. Tham gia phong trào chống thuế.

C. Ra đi tìm đường cứu nước.

D. Thành lập Hội Duy tân.

Câu 11. Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Véc-xai nhằm

A. đòi quyền độc lập cho dân tộc Việt Nam.

B. đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam.

C. yêu cầu Pháp cải cách chế độ ở Việt Nam.

D. đòi độc lập, tự do cho ba nước Đông Dương

Câu 12. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam, đó là con đường

A. dân chủ tư sản.

B. cách mạng vô sản.

C. duy tân, cải cách.

D. thương lượng hợp pháp.

***Câu 13.** Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1921-1930 có ý nghĩa

A. khảo nghiệm con đường cứu nước mới cho Việt Nam.

B. chuẩn bị điều kiện trực tiếp về nước lãnh đạo cách mạng.

C. truyền bá con đường cứu nước mới về Việt Nam.

D. chuẩn bị căn cứ địa cho cách mạng Việt Nam.

Câu 14. Tháng 12-1920, bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, đánh dấu Nguyễn Ái Quốc trở thành

A. người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

B. đảng viên của Đảng Cộng sản quốc tế.

C. đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Câu 15. Tổ chức nào sau đây do Nguyễn Ái Quốc thành lập, được xem là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 16. Vì sao đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc phải tiến hành triệu tập hội nghị để hợp nhất các tổ chức cộng sản?

A. cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ chia rẽ.

B. thực hiện chỉ đạo trực tiếp của Quốc tế cộng sản.

C. thực hiện yêu cầu của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. thực hiện yêu cầu của đại diện ba tổ chức cộng sản.

Câu 17. Tổ chức nào dưới đây do Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập năm 1921 ở Pháp?

A. Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Tổ chức Những người Cộng sản.

D. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 18. Tờ báo nào do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút trong thời gian hoạt động ở Pháp?

A. Sự Thật.

B. Người cùng khổ.

C. Nhân đạo.

D. Thanh niên.

Câu 19. Nhận xét nào phản ánh **không** đúng vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930?

A. Tìm ra con đường cứu nước - cách mạng vô sản.

B. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng

C. Chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng

D. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng Minh.

Câu 20. Từ năm 1920 đến năm 1945, hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc **không** diễn ra ở Việt Nam?

A. Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Ra Chỉ thị Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

C. Chọn địa phương thí điểm xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng.

D. Đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Câu 21. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành có hoạt động nào sau đây?

A. Sang Liên Xô dự Hội nghị quốc tế nông dân.

B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Tham gia Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp.

D. Tham gia Quốc tế cộng sản và thành lập Đảng cộng sản Pháp.

Câu 22. Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước với tên gọi mới là

A. Văn Ba. B. Nguyễn Ái Quốc. C. Hồ Chí Minh. D. Nguyễn Sinh Cung.

Câu 23. Điểm tương đồng về mục tiêu trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu là

A. lật đổ phong kiến.

B. cải cách đất nước.

C. đánh đổ giai cấp tư sản.

D. giải phóng dân tộc.

Câu 24. Từ năm 1945 đến năm 1969, Hồ Chí Minh đảm nhận cương vị nào sau đây?

A. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. Tổng Bí thư nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Tổng Bí thư nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 25. Hoạt động của Hồ Chí Minh trong những năm 1954-1969 có điểm khác biệt nào so với thời kì 1945-1954?

A. Lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

B. Mở rộng quan hệ ngoại giao của Việt Nam với thế giới.

C. Lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

D. Lãnh đạo cách mạng Việt Nam chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Câu 26. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành tham gia tổ chức nào sau đây?

A. Đảng Cộng sản Pháp.

B. Đảng Xã hội Pháp.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam

D. Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 27. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động nào sau đây?

A. Thành lập Mặt trận Việt Minh.

B. Soạn thảo Luận cương chính trị.

C. Hợp nhất các tổ chức cộng sản.

D. Thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 28. Trong giai đoạn 1960-1969, Hồ Chí Minh đảm nhận cương vị nào sau đây?

A. Chủ tịch Quốc hội.

B. Chủ tịch Đảng.

C. Tổng Bí Thư.

D. Thủ Tướng.

Câu 29. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là

A. nông dân với địa chủ phong kiến

B. công nhân, nông dân với tư sản

C. tư sản với đế quốc và phong kiến

D. dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai.

Câu 30. Tổ chức nào do sau đây do Nguyễn Ái Quốc thành lập, được xem là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa

D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 31. Một trong những nguyên nhân lý giải Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây để tìm đường cứu nước là

A. tìm hiểu các nước phương Tây về giúp đồng bào mình. B. tìm hiểu, tiếp thu con đường cách mạng dân chủ tư sản.

C. tăng cường mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước tư bản

D. kêu gọi sự ủng hộ của các nước tư bản đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 32. Một trong những điểm khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu là

A. hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc

B. coi trọng tầng lớp thanh niên trí thức

C. hết lòng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc

D. chọn hướng đi và con đường cách mạng.

Câu 33*. Trước khi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911), tình hình Việt Nam có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

A. Mâu thuẫn giữa công nhân với địa chủ phong kiến và tay sai là cơ bản.

B. Thực dân Pháp câu kết với tay sai mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược.

C. Phong trào chống Pháp và tay sai diễn ra sôi nổi nhưng đều bị thất bại.

D. Khuynh hướng cứu nước theo ngọn cờ phong kiến và dân chủ tư sản cùng xuất hiện.

Câu 34*. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố cơ bản tác động đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước (1911) của Nguyễn Tất Thành?

A. Phong trào yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng tư sản đã chấm dứt.

B. Đất nước bị mất độc lập, sự nghiệp cứu nước rơi vào khủng hoảng, bế tắc.

C. Phong trào đấu tranh chống Pháp và phong kiến tay sai đã hoàn toàn chấm dứt.

D. Nhân dân phản đối cuộc đấu tranh chống Pháp của các sĩ phu phong kiến.

Câu 35*. Trong giai đoạn 1890 - 1911, Nguyễn Tất Thành có hoạt động tiêu biểu nào sau đây?

A. Dạy học ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết).

B. Hoạt động yêu nước ở Pháp, Liên Xô.

C. Gửi bản yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (Pháp).

D. Mở lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu.

Câu 36*. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng hoạt động yêu nước và cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong những năm 1920 – 1930?

A. Xác định con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

B. Lựa chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

C. Trở về nước trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc.

D. Chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 37*. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng nào sau đây?

A. Hoạch định đường lối xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

B. Quyết định chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công.

C. Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Trực tiếp chỉ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 38*. Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây?

A. Anh.

B. Liên Xô.

C. Pháp.

D. Trung Quốc.

BÀI 16: HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Hành trình tìm đường cứu nước (1911 - 1920)

Từ năm 1911, Nguyễn Tất Thành đi qua nhiều châu lục, tìm hiểu thực tiễn và đi đến nhận định: “Ở đâu chủ nghĩa thực dân đế quốc cũng tàn bạo, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức cùng cực”.

- Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tham gia Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp.

- Tháng 7-1920, đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

- Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

*** Nội dung con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc:**

+ Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp.

+ Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

(Trong đó, độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, chủ nghĩa xã hội là phương hướng tiến lên).

*** Ý nghĩa Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước:**

+ Bước đầu giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

+ Mở ra giai đoạn phát triển mới - phong trào cách mạng Việt Nam gắn với CM thế giới.

+ Mở đầu quá trình chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

♦ Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

*** Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng:**

- Tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân đấu tranh.

- Năm 1921, tham gia sáng lập *Hội liên hiệp thuộc địa*, làm chủ bút báo *Người cùng khổ*, viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925)....

*** Chuẩn bị về tổ chức:**

- Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925).

- Sáng lập báo *Thanh niên* (6-1925), mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng tại Trung Quốc (1925 - 1927)...

(Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929. Đó là sự chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam).

♦ **Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Năm 1929, sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản chứng tỏ khuynh hướng vô sản đã chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc. Tuy nhiên, ba tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, cản trở sự đi lên của cách mạng.

- Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, từ ngày 6-1-1930, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).

* **Nội dung Hội nghị:**

- Hội nghị quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

♦ **Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo

- Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

- Đảng ra đời là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

♦ **Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5/1941)**

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 diễn ra tại Pác Bó (Cao Bằng).

+ Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc”.

+ Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

+ Thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

* **Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng:**

- Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi thí điểm để xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng,

- Tháng 6-1945, thành lập Khu giải phóng Việt Bắc.

* **Xây dựng lực lượng vũ trang**

- Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập.

* **Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà:**

- Ngày 14 và 15/8/1945, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

- Ngày 16 và 17/8/1945, Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội Quốc dân tại Tân Trào, tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng,...

- Soạn thảo Tuyên ngôn độc lập và thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2/9/1945)

4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

- **Về đối nội:** Lãnh đạo Chính phủ và nhân dân giải quyết nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, chống “thù trong, giặc ngoài,...

- **Về đối ngoại,** ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới Liên hợp quốc và nguyên thủ các nước lớn, khẳng định nền độc lập của Việt Nam.

+ Chủ động kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946). thêm thời gian hoà bình để xây dựng chính quyền cách mạng và chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp.

+ Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

+ Năm 1946 - 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã hoạch định đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp: *Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế*.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951), mở rộng hoạt động ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước XHCN...

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chỉ đạo thắng lợi nhiều chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

5. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969)

- **Nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc:** Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960).

- **Sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam:** Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1959), nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là sử dụng con đường bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm và tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước XHCN, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Yếu tố nào sau đây quyết định đến việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911)?

A. Đất nước bị khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước.

B. Những truyền thống của gia đình và quê hương xứ Nghệ.

C. Mong muốn tìm hiểu, khám phá lịch sử văn minh thế giới.

D. Chế độ phong kiến không còn phù hợp với dân tộc.

Câu 2. Năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định chọn hướng đi nào sau đây để mở đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam?

A. Đi sang phương Đông.

C. Đi sang châu Phi.

B. Đi sang phương Tây.

D. Đi sang châu Mỹ.

Câu 3. “Ở đâu chủ nghĩa thực dân đế quốc cũng tàn bạo, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức cùng cực” là nhận định của Nguyễn Tất Thành sau khi

A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

C. lựa chọn con đường theo khuynh hướng vô sản.

D. tìm hiểu và qua thực tiễn hoạt động ở nhiều nước.

Câu 4. “Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản” là quyết định của Nguyễn Ái Quốc sau khi

C. ra báo Thanh niên – cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc)

A. đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.

B. tham gia viết báo Đời sống công nhân, báo Nhân đạo và cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 5*. Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước (1911 – 1920), nhận thức nào sau đây của Nguyễn Tất Thành có sự khác biệt so với các nhà yêu nước đi trước?

A. Chỉ có đoàn kết mới đánh đuổi được đế quốc, giải phóng dân tộc thoát khỏi áp bức.

B. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

C. Mâu thuẫn hàng đầu trong xã hội Việt Nam là giữa toàn thể dân tộc với đế quốc Pháp.

D. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, trước tiên phải trở thành một người yêu nước.

Câu 6. Con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc xác định có sự khác biệt hoàn toàn so với các con đường cứu nước trước đó về điểm nào sau đây?

A. Hình thức, phương pháp đấu tranh.

B. Mục tiêu trực tiếp, trước mắt.

C. Xác định đối tượng cách mạng.

D. Phương hướng tiến lên.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam?

A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về con đường cứu nước ở Việt Nam.

B. Chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

C. Chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Gắn phong trào cách mạng của Việt Nam với cách mạng thế giới.

Câu 8. Cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã kết thúc khi

A. tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari (1921)

B. tham dự và sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920)

C. ủng hộ Quốc tế III và trở thành người cộng sản VN đầu tiên (12/1920)

D. đọc Sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920)

Câu 9. Ý nào dưới đây **không phải** là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Trung Quốc?

A. Mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ ở Quảng Châu.

B. Xuất bản tác phẩm Đường Kách mệnh

C. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân.

Câu 10. Trong thời gian hoạt động ở Pháp (1917-1923), Nguyễn Ái Quốc đã tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 11. Trong thời ở Liên Xô (1923-1924), Nguyễn Ái Quốc đã tham gia hoạt động nào sau đây?

A. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên..

B. Chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.

D. Dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.

Câu 12. Trong quá trình vận động thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức cách mạng nào dưới đây?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Việt Nam Quang phục hội.

C. Tân Việt Cách mạng đảng.

D. Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 13. Trong thời gian ở Trung Quốc (1924 - 1927), Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

A. Dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản.

B. Mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng.

C. Xuất bản báo Người cùng khổ.

D. Dự Hội nghị quốc tế Nông dân.

Câu 14. Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại lớp huấn luyện cho các thành viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (ở Quảng Châu) được tập hợp và xuất bản thành tác phẩm

A. Người cùng khổ.

B. Bản án chế độ thực dân Pháp

C. Báo Thanh niên.

D. Đường Kách mệnh.

Câu 15. Hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc nhằm chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Viết báo Người cùng khổ, báo Nhân đạo, Đời sống công nhân.

C. Thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

D. Mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng tại Quảng Châu.

Câu 16. Hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc nhằm chuẩn bị về mặt tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vec-xai.

B. Viết báo Người cùng khổ, báo Nhân đạo, Đời sống công nhân.

C. Thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

D. Mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng tại Quảng Châu.

Câu 17*. Trong quá trình chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, nội dung nào sau đây là vai trò của Nguyễn Ái Quốc để chuẩn bị về lực lượng chính trị

A. Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng

B. Ra Chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc.

C. Sáng lập và mở rộng Việt Nam Độc lập Đồng minh.

D. Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Câu 18. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì xác định nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là

- A. giải phóng giai cấp.
- B. cải cách ruộng đất.
- C. xóa bỏ tàn dư phong kiến.
- D. giải phóng dân tộc.**

Câu 19.** Khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh (15-8-1945), Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân giành chính quyền bằng hình thức nào sau đây?

- A. Sử dụng các lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong suốt quá trình khởi nghĩa.
- B. Kết hợp lực lượng ba thứ quân trong tổng tiến công và nổi dậy trên toàn quốc.
- C. Tổng khởi nghĩa trong cả nước trước khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh.
- D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.**

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** đúng về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ 12/1946 đến 7/1954?

- A. Ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- B. Chủ động kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.**
- C. Họp bàn, chỉ đạo các chiến dịch quan trọng.
- D. Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

Câu 21. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đẩy mạnh hoạt động ngoại giao với nhân dân Pháp tiến bộ, Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Âu (1949 – 1950) đem lại tác dụng nào sau đây?

- A. Đặt cơ sở cho Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- B. Buộc Chính phủ Trung Hoa Dân quốc rút hết quân ra khỏi Việt Nam.
- C. Tạo điều kiện thuận lợi để miền Bắc Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến.**

Câu 22. Trong vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh có hoạt động nổi bật nào sau đây?

- A. Lãnh đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- B. Trực tiếp lãnh đạo phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam (1960).
- C. Chủ trì Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960).**
- D. Xác định nhiệm vụ chiến lược của miền Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 23. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản với cương vị là

- A. phái viên của Quốc tế cộng sản.**
- B. người sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- C. đại diện người Việt Nam yêu nước ở Trung Quốc.
- D. người đứng đầu một trong ba tổ chức cộng sản.

Câu 24. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (đầu năm 1930) đã lấy tên Đảng là

- A. Đảng Cộng Sản Đông Dương.
- B. Đảng Lao Động Việt Nam.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng.
- D. Đảng Cộng Sản Việt Nam.**

Câu 25. Trong hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) đã thông qua

- A. Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt. B. Luận cương Chính trị của Đảng.
C. Đường lối kháng chiến của Đảng. D. Chương trình hành động của Đảng.

Câu 26 Sự kiện nào đánh dấu cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930).
B. Nguyễn Ái Quốc gia nhập Quốc tế cộng sản (1920).
C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập (1925).
D. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp (1920).

Câu 27. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là sản phẩm kết hợp giữa các yếu tố nào sau đây?

- A. Chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.
B. Phong trào công nhân, phong trào tư sản và phong trào nông dân.
C. Phong trào công nhân trong nước và phong trào công nhân quốc tế.
D. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Câu 28. Trong quá trình vận động thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức cách mạng nào sau đây?

- A. Việt Nam độc lập Đồng minh. B. Tân Việt cách mạng đảng.
C. Việt Nam quốc dân đảng. D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 29. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam ?

- A. Là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng cả nước.
B. Là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về tư tưởng cứu nước trong phong trào cách mạng Việt Nam.
D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tạo ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Câu 30. Năm 1941, địa điểm nào sau đây được Nguyễn Ái Quốc lựa chọn xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng Việt Nam?

- A. Phú Thọ. B. Cao Bằng. C. Tuyên quang. D. Lạng Sơn.

Câu 31. Một trong những nội dung được Nguyễn Ái Quốc đưa ra tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941) là

- A. thành lập chính phủ lâm thời. B. thành lập mặt trận Việt Minh.
C. ban bố lệnh Tổng khởi nghĩa. D. lập khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 32. Một trong những đóng góp to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam (1939-1945) là

- A. thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .
B. chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám.
C. tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.
D. lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng.

Câu 33*. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5 - 1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì chủ trương hoàn thành cuộc cách mạng nào sau đây?

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. B. Cách mạng tư sản dân quyền.

C. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. **D. Cách mạng giải phóng dân tộc.**

Câu 34*. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, lực lượng chính trị có vai trò như thế nào đối với thành công của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Lực lượng xung kích trong Tổng khởi nghĩa.

B. Quyết định thắng lợi của Tổng khởi nghĩa.

C. Lực lượng nòng cốt trong Tổng khởi nghĩa.

D. Hỗ trợ lực lượng vũ trang giành chính quyền.

Câu 35. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, trước tình thế “nghìn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

A. lựa chọn đối sách đúng đắn, kịp thời giải quyết khó khăn.

B. tìm cách ngoại giao mềm dẻo với quân Trung Hoa dân Quốc.

C. lãnh đạo nhân dân tiếp tục đánh đuổi phát xít Nhật và đế quốc Mĩ.

D. ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.

BÀI 17

ĐẤU AN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

- Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm ra con đường giải phóng dân tộc và lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc.

- Người là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới.

- Người hội tụ tinh hoa, giá trị cả văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây.

- Người đã phát triển quyền con người thành quyền dân tộc; những tư tưởng lớn của Người mang tầm vóc vĩ nhân của thời đại, lại được biểu hiện một cách chân thực, rất mực giản dị và gần gũi với mọi người.

Năm 1987, tổ chức UNESCO tôn vinh “Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất Việt Nam

Nhiều nhà lưu niệm, khu tưởng niệm, tượng đài kỉ niệm, bia tưởng niệm Hồ Chí Minh,... được xây dựng trên thế giới. Nhiều thành phố, con đường, trường học,... cũng mang tên Hồ Chí Minh.

2. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam

- Nhân dân Việt Nam gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là Bác Hồ – Người đã hiến trọn đời mình cho dân tộc.

- Toàn dân Việt Nam kính yêu, quý trọng Bác Hồ, luôn luôn học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hình ảnh của Người được khắc sâu trong tâm trí người Việt Nam, được tôn thờ trong đạo lí, tín ngưỡng của dân tộc.

- Sau khi Người qua đời, theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng.

- Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá VI) đã quyết định đổi tên Thành phố Sài Gòn – Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng sáng tác âm nhạc, thơ ca, kịch, điện ảnh,... nhiều giải thưởng, huy hiệu mang tên Hồ Chí Minh đã và đang được tổ chức.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Những quốc gia nào sau đây ở châu Âu có nhiều hoạt động vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Anh, Thụy Sĩ B. Đức, Hà Lan. **C. Pháp, Nga.** B. Thụy Điển, Áo.

Câu 2. Quốc gia nào sau đây Một ở châu Á đã dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh ?

- A. Ấn Độ. B. Nê-pan. C. Bru-nây. D. Nhật Bản.

Câu 3. Một trong những quốc gia ở châu Mỹ đã dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Canada. **B. Cuba.** C. A-chentina. D. Pêru.

Câu 4. Thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ một trong những lí do cơ bản nào sau đây?

- A. Là đặc phái viên của Quốc tế Cộng sản, tham gia bảo vệ hoà bình thế giới.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho dân tộc Việt Nam.

- C. Chủ tịch Hồ Chí Minh ủng hộ nhân dân Nam Phi chống chế độ A-pác-thai.

- D. Có đóng góp trực tiếp vào giải quyết mâu thuẫn cuộc đối đầu Đông – Tây.

Câu 5. Hoạt động tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh của nhân dân các nước trên thế giới không có hình thức nào sau đây?

- A. Xây dựng tượng đài Hồ Chí Minh. B. Xây dựng quảng trường.

- C. Xây dựng Lăng Chủ tịch.** D. Xây dựng nhà lưu niệm.

Câu 6. Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam vì một trong những lí do cơ bản nào sau đây?

- A. Là người Việt Nam đầu tiên xuất dương tìm đường cứu nước.

- B. Là Tổng Bí thư và Chủ tịch nước đầu tiên của nước Việt Nam.

- C. Góp phần vào xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

D. Là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ.

Câu 7. Năm 2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” nhằm

- A. phát động thế hệ trẻ đi học theo phong cách Hồ Chí Minh.

- B. xây dựng hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong văn học.

C. phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

- D. nâng cao năng lực học tập của nhân dân trong thời đại mới.

Câu 8. Một trong những di sản thiêng liêng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam là

- A. Bản Di chúc của Người.** C. Lăng Hồ Chí Minh.

- B. Lời Kêu gọi kháng chiến. D. Quảng trường Hồ Chí Minh.

Câu 9. Một trong những tác phẩm văn học đặc sắc viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Rừng xà nu **B. Búp sen xanh.** C. Nhật ký trong tù D. Thuyền và Biển.

Câu 10. Vì sao trong quá trình hoạt động ở nước ngoài (1911-1941) Nguyễn Ái Quốc luôn nhận được sự trân trọng giúp đỡ của nhiều nhân vật uy tín, nổi tiếng trên thế giới?

- A. Nhân cách cao đẹp của Người.** B. Người đi theo con đường cách mạng vô sản.

C. Người tham gia Quốc tế cộng sản

D. Sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 11: Năm 1987, tổ chức nào sau đây của Liên Hợp Quốc đã công nhận Hồ Chí Minh là “*Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam*”?

A. UNESCO.

B. WTO.

C. WHO.

D. UNICEF

Câu 12: Thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là “*Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam*” xuất phát từ một trong những nguyên nhân nào sau đây?

A. Người đã lựa chọn con đường cứu nước cho Việt Nam theo khuynh hướng vô sản.

B. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

C. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương.

D. Người đã tham gia tổ chức Quốc tế Cộng sản – tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới.

Câu 14.* Theo UNESCO, những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghệ thuật là sự kết tinh của

A. nền văn minh lúa nước.

B. truyền thống văn hóa Việt Nam.

C. tinh hoa văn hóa phương Đông.

D. bản sắc văn hóa phương Tây.

Câu 15.* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho mục tiêu nào sau đây?

A. Độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

B. Sự phát triển kinh tế - xã hội và hạnh phúc của nhân dân

C. Xây dựng môi trường hòa bình, mở rộng hợp tác với các nước..

D. Đưa Việt Nam trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển.

Câu 16: Ngoài Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, công trình nào khác được xây dựng theo nguyện vọng của nhân dân sau khi Người qua đời?

A. Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

B. Hoàng thành Thăng Long.

C. Bảo tàng Hồ Chí Minh.

D. Căn cứ Tân Trào.

Câu 17: Trong những năm 1954 - 1969, một trong những nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam sau khi "đánh cho Mỹ cút", giang sơn thu về một mối là

A. được miễn thuế nông nghiệp.

B. được đón Bác vào thăm.

C. được ra thăm lăng Bác.

D. có một cuộc sống đầy đủ.

Câu 18: Nhiều quốc gia trên thế giới xây dựng tượng, tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện điều gì?

A. Sự ủng hộ đối với Việt Nam.

B. Sự ngưỡng mộ tài năng của Người.

C. Sự kính trọng đối với vị lãnh tụ vĩ đại.

D. Học tập tấm gương đạo đức của Người.

Câu 19: Việc đổi tên thành phố Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện điều gì?

A. Khát vọng hòa bình, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.

B. Niềm tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên của dân tộc Việt Nam .

C. Tinh thần tự lực tự cường, xây dựng đất nước của con người Việt Nam.

D. Lòng kính yêu vô hạn của nhân dân Việt Nam đối với Hồ Chí Minh.

Câu 20. Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” có tác dụng như thế nào đến đời sống chính trị - xã hội Việt Nam?

A. Lan tỏa và mang lại những giá trị tích cực.

B. Giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp trong nhân dân.

C. Thay đổi cơ cấu dân cư theo vùng kinh tế. D. Ổn định cuộc sống cho nhân dân vùng cao.

Câu 21. Tên Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt cho địa danh nào sau đây?

A. Quảng trường Ba Đình, Hà Nội.

B. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

C. Đường phố tại Mát-xcơ-va (Nga).

D. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

HẾT